



Thứ hai, ngày 3 tháng 12 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tín hiệu tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 04/12/2018		•	
Tuần 3/12-7/12/2018		•	
Tháng 12/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng ở phiên sáng, chỉ số tiếp tục đà tăng ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+3.70 điểm); VNM (+3.04 điểm); VCB (+2.92 điểm); BID (+2.29 điểm); CTG (+1.33 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-0.10 điểm); VHC (-0.08 điểm); BIC (-0.04 điểm); BHN (-0.03 điểm); MSH (-0.03 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dịch vụ và dầu khí, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,526.6 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 14.49 điểm. Thị trường có 224 mã tăng và 82 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 25.05 điểm, đóng cửa tại 951.59 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index tăng 2.81 điểm ở mức 107.64 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 142.45 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (86.29 tỷ), STB (26.08 tỷ), HDB (20.96 tỷ). Ngoài ra, họ đã bán ròng 16.97 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tâm lý tích cực lan tỏa vào thị trường trong nước và khu vực sau khi Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận đình chiến và tiếp tục xúc tiến các bước đàm phán thương mại tiếp theo tại sự kiện G20 cuối tuần trước. Trong phiên sáng thị trường đã có mức tăng điểm tốt với sắc xanh chiếm ưu thế ở cả 3 sàn. Đà tăng tiếp tục được cải thiện trong phiên chiều với thanh khoản tăng mạnh và dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, CTG, VCB, TCB, STB, MBB, nhóm dầu khí như GAS, PLX, PVD và các mã bluechips như VNM, HPG, VRE, SAB. Khối ngoại quay đầu hỗ trợ thị trường khi mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường có phiên bứt phá mạnh mẽ trong phiên giao dịch đầu tháng cuối năm 2018. BSC dự báo khả năng đà tăng điểm sẽ tiếp tục được duy trì với mức thanh khoản tốt ở các phiên sau. Nhà đầu tư nên xem xét mở vị thế giao dịch với các mã có triển vọng kinh doanh tốt trong năm 2018.

Thêm 2 mã SSI và PLX vào danh mục ngắn hạn

Phân tích kỹ thuật:

FPT_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **951.59**
Giá trị: 3526.59 tỷ **25.05 (2.7%)**
Khối ngoại (ròng): 142.45 tỷ

HNX-INDEX **107.64**
Giá trị: 660.25 tỷ **2.82 (2.69%)**
Khối ngoại (ròng): -16.97 tỷ

UPCOM-INDEX **53.06**
Giá trị: 304.7 tỷ **0.7 (1.34%)**
Khối ngoại(ròng): 20.75 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.2	4.50%
Giá vàng	1,232	0.76%
Tỷ giá USD/VND	23,307	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,477	0.31%
Tỷ giá JPY/VND	20,534	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	86.3	HPG	37.2
HDB	21.0	VRE	11.1
BID	16.9	VHC	9.8
PVD	5.7	VJC	8.8
DHG	5.3	GEX	8.4

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

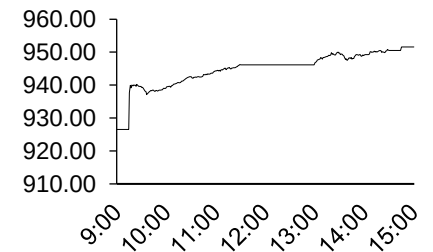
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

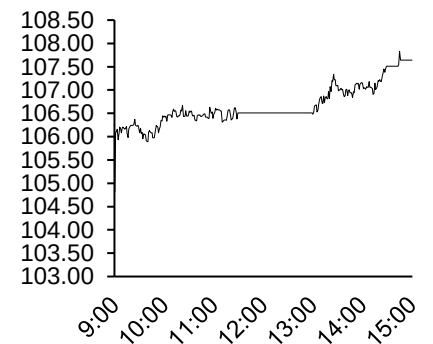
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1812	915.0	3.1%	-15.1%
VN30F1901	900.0	1.6%	137.0%
VN30F1903	915.0	6.4%	129.4%
VN30F1906	915.0	3.4%	104.7%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	134	4.4	4.1
VPB	22	6.0	3.7
HPG	35	4.8	3.3
MSN	82	2.8	1.8
STB	13	5.4	1.8

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SBT	21	0	0.0
ROS	36	0	0.0
DPM	22	0	0.0
CII	27	1	0.1
KDC	25	1	0.1

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
MBB	9.8	22.2	20	24	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
PVS	7.5	20.2	19	21	MUA	Tăng giá kéo dài
VNM	7.4	133.6	115	138	MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	7.1	24.2	22	25	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ACB	6.3	31.3	28	32	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
STB	5.8	12.8	12	13	MUA	Tăng giá kéo dài
HPG	5.6	34.8	35	37	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
GAS	5.6	97.0	89	103	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VCB	5.5	58.0	53	61	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
BID	4.9	33.6	31	36	MUA	Tăng giá kéo dài

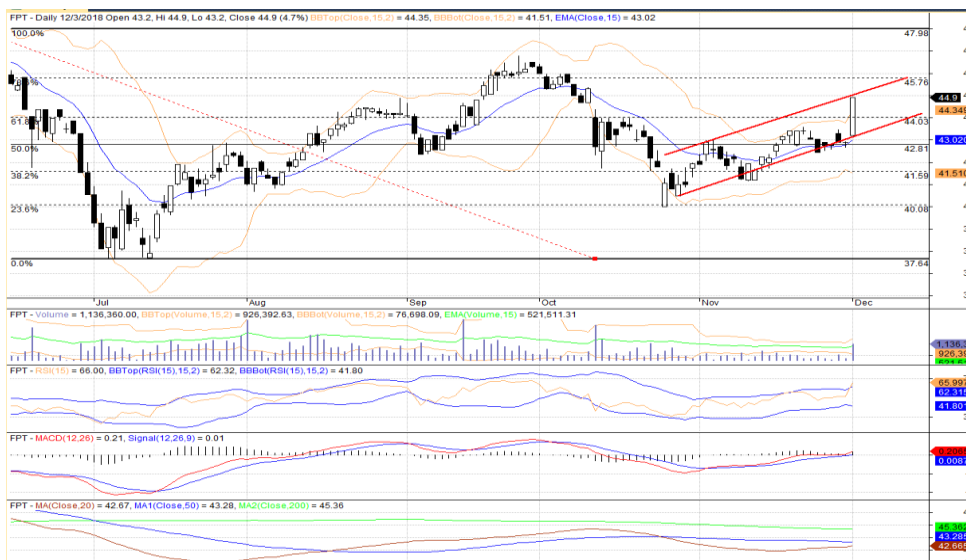
Phân tích kỹ thuật

FPT_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo MACD: Phân kỳ tại đường trung tâm, đường MACD hướng lên
- Chỉ báo RSI: Ở vùng trung lập, chạm kênh Bollinger trên
- Đường MA: MA20 có xu hướng cắt lên đường MA50 và MA200

Nhận định: FPT là cổ phiếu thuộc ngành công nghệ đang trong xu hướng tăng giá. Cổ phiếu đang trong đà hồi phục sau khi tạo thành mô hình 2 đáy. Lực hồi phục, sau khi kiểm tra ngưỡng kháng cự 42, cũng đã thành công bứt phá trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu cũng tăng đột biến trong phiên hôm nay. Vận động 3 đường MA báo hiệu cổ phiếu đang nằm trong xu hướng hồi phục ngắn hạn. Đường MACD và chỉ báo RSI đều báo hiệu cổ phiếu có xu hướng tăng khá mạnh. Như vậy, cổ phiếu FPT có thể sẽ chạm ngưỡng kháng cự cũ tại mức 47-48 trong các phiên giao dịch tiếp theo.. Nếu thanh khoản và giá đều tăng trong các phiên sắp tới, cổ phiếu có thể sẽ tiến tới kiểm tra ngưỡng kháng cự 50.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	33.15	1.4%	30.1	37.6
2	SSI	12/3/2018	29.65	29.65	0.0%	27.3	34.1
3	PLX	12/3/2018	61.00	61.00	0.0%	56.1	70.2
Trung bình					0.5%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	29/12/2017	20.8	22.15	6.5%	19.1	25.0
2	HPG	29/12/2017	33.4	34.80	4.2%	31.7	40.1
3	HCM	18/09/2017	41.9	56.10	33.9%	39.8	60.0
Trung bình					14.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	29/12/2017	17.7	16.4	-7.6%	16.3	21.2
2	TCB	31/10/2018	26.9	27.2	1.1%	25.0	30.0
Trung bình					-3.3%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	88.0	4.1%	0.7	1,647	3.3	6,481	13.6	4.6	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	94.9	3.0%	1.0	669	0.9	5,428	17.5	4.5	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	97.3	1.6%	1.3	2,965	0.3	1,728	56.3	4.7	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	32.3	-1.8%	0.8	325	0.1	2,265	14.3	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	101.9	0.2%	1.1	14,140	1.2	1,366	74.6	5.9	9.4%	10.3%	
VRE	Bất động sản	31.4	2.1%	1.1	3,174	2.7	646	48.6	2.8	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	68.3	0.3%	0.8	2,695	0.8	2,368	28.8	3.6	7.6%	14.2%	
REE	Bất động sản	33.2	4.2%	1.1	447	0.7	5,068	6.5	1.2	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	25.6	5.4%	1.5	389	2.0	3,042	8.4	1.9	47.5%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	29.7	4.0%	1.3	643	4.7	2,899	10.2	1.6	58.2%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	50.1	1.8%	1.0	355	0.3	4,289	11.7	2.7	41.5%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	56.1	2.7%	1.4	316	0.5	6,094	9.2	2.4	62.4%	27.8%	
FPT	Công nghệ	44.9	4.7%	0.9	1,198	2.2	5,322	8.4	2.3	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.0%	0.4	492	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	97.0	6.8%	1.5	8,072	5.6	6,473	15.0	4.4	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	61.0	5.2%	1.5	3,073	2.6	3,285	18.6	3.6	11.0%	19.5%	
PVS	Dầu khí	20.2	4.7%	1.7	420	7.5	1,747	11.6	0.9	19.1%	7.8%	
BSR	Dầu khí	15.2	3.4%	0.8	2,049	1.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	33.9%	23.0%
DHG	Dược	83.5	1.8%	0.5	475	0.6	4,037	20.7	3.7	49.0%	18.3%	
DPM	Hóa chất	21.7	0.5%	0.9	369	0.6	1,492	14.5	1.1	21.2%	8.1%	
DCM	Hóa chất	10.6	1.9%	0.7	244	0.6	997	10.6	0.9	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	58.0	4.7%	1.3	9,073	5.5	3,360	17.3	3.4	20.7%	20.9%	
BID	Ngân hàng	33.6	6.8%	1.7	4,987	4.9	2,401	14.0	2.3	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	24.2	5.0%	1.6	3,910	7.1	2,064	11.7	1.3	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	22.1	6.0%	1.2	2,355	3.7	2,820	7.8	1.8	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	22.2	2.8%	1.2	2,081	9.8	2,366	9.4	1.5	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	31.3	5.0%	1.2	1,697	6.3	3,498	8.9	2.0	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	56.4	2.2%	0.9	201	0.3	5,586	10.1	1.9	77.2%	18.5%	
NTP	Nhựa	43.0	2.6%	0.4	167	0.0	3,938	10.9	1.8	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.4	1.9%	1.2	837	0.1	229	93.5	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	34.8	4.8%	0.9	3,214	5.6	4,334	8.0	1.9	39.5%	26.7%	
HSG	Thép	7.1	6.9%	1.4	118	0.9	1,065	6.6	0.5	16.3%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	133.6	4.4%	0.7	10,115	7.4	4,997	26.7	9.1	59.1%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	251.0	0.4%	0.8	6,998	0.2	6,902	36.4	9.7	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	82.2	2.8%	1.2	4,157	2.6	5,416	15.2	4.9	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	21.0	-0.5%	0.7	452	3.2	869	24.2	1.7	11.1%	11.3%	
ACV	Vận tải	81.0	0.6%	0.8	7,667	0.1	1,883	43.0	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	132.0	0.8%	1.1	3,108	3.5	9,463	13.9	6.7	23.8%	67.1%	
HVN	Vận tải	34.7	2.7%	1.7	1,884	0.8	1,727	20.1	2.8	9.3%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.3	2.0%	0.8	365	0.6	6,311	4.5	1.5	48.8%	30.8%	
PVT	Vận tải	16.4	2.2%	0.8	200	0.2	2,165	7.6	1.2	34.0%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	74.0	1.6%	1.0	504	0.7	5,620	13.2	4.2	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	16.6	1.2%	0.9	324	1.1	1,179	14.1	1.2	24.2%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	14.2	6.8%	0.8	236	0.6	1,599	8.9	1.1	5.2%	12.2%	
CTD	Xây dựng	159.0	2.3%	0.8	541	0.9	20,202	7.9	1.5	43.9%	21.1%	
VCG	Xây dựng	19.2	3.8%	1.3	369	3.5	2,384	8.1	1.3	0.0%	17.6%	
CII	Xây dựng	26.5	0.8%	0.6	282	0.4	332	79.8	1.3	54.5%	1.7%	
POW	Điện	15.0	1.4%	0.6	1,527	0.8	1,026	14.6	1.3	72.1%	9.1%	
NT2	Điện	25.8	1.6%	0.6	323	0.2	2,874	9.0	2.0	21.8%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	97.00	6.83	3.71	1.36MLN
VNM	133.60	4.38	3.05	1.28MLN
VCB	58.00	4.69	2.92	2.23MLN
BID	33.55	6.85	2.30	3.46MLN
CTG	24.15	5.00	1.34	6.83MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	31.30	5.03	1.88	4.69MLN
PVS	20.20	4.66	0.22	8.69MLN
SHB	7.70	2.67	0.21	7.39MLN
SHN	9.90	10.00	0.10	162400.00
NVB	10.50	1.94	0.06	1.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	77.70	-0.13	-0.11	194530.00
VHC	99.00	-2.94	-0.09	516390.00
BIC	23.00	-4.56	-0.04	9540.00
BHN	82.00	-0.61	-0.04	1020.00
MSH	52.50	-4.37	-0.04	233640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	6.30	-10.00	-0.06	100.00
PHP	11.50	-7.26	-0.03	36600.00
PVI	32.30	-1.82	-0.02	65700.00
DTD	12.80	-8.57	-0.02	311900.00
API	18.70	-6.50	-0.02	1000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTT	10.25	6.99	0.00	20.00
NKG	8.13	6.97	0.03	783030.00
COM	55.30	6.96	0.02	100.00
HAS	9.38	6.96	0.00	7130.00
HVH	20.00	6.95	0.01	5000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.70	16.67	0.00	133700.00
BII	1.10	10.00	0.01	163700.00
SHN	9.90	10.00	0.10	162400.00
VXB	13.20	10.00	0.00	100.00
HLC	6.70	9.84	0.01	1200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	5.58	-7.00	0.00	1.54MLN
DTA	6.67	-6.97	0.00	2000.00
BBC	72.60	-6.92	-0.03	500.00
KMR	3.77	-6.91	-0.01	655860.00
TDW	24.25	-6.91	-0.01	130.00

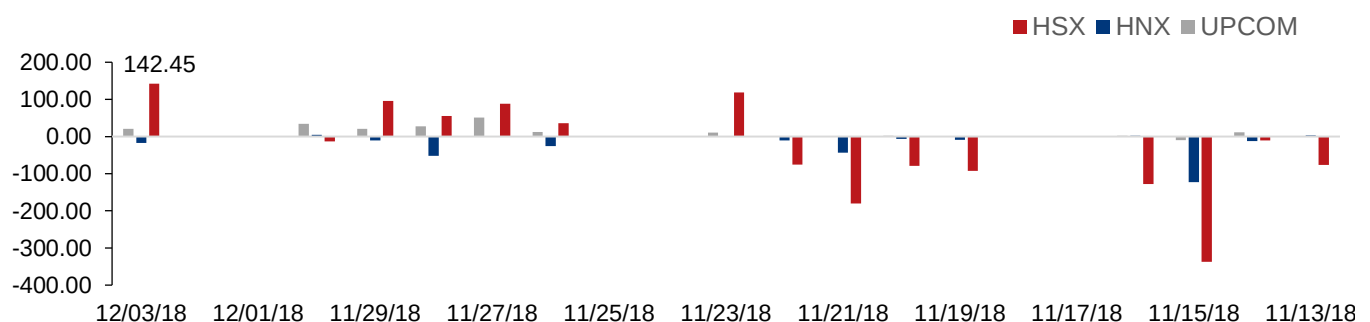
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DC4	9.00	-10.00	0.00	200.00
OCH	6.30	-10.00	-0.06	100.00
PRC	11.70	-10.00	0.00	7500.00
ARM	52.70	-9.91	-0.01	1400.00
STC	21.10	-9.83	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.9	157	94.7	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.8	2,874	9.0	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.9	1,102	12.6	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.4	-2,092	#N/A N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	31.3	3,498	8.9	2.0	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	42.0	5,746	7.3	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.8	1,087	14.5	1.4	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.4	2,165	7.6	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	34.8	4,334	8.0	1.9	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	25.6	3,042	8.4	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	18.2	3,200	5.7	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	30.6	5,796	5.3	1.6	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	44.9	5,322	8.4	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	58.0	3,360	17.3	3.4	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.2	1,747	11.6	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	22.2	2,366	9.4	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	159.0	20,202	7.9	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.2	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	85.0	18,132	4.7	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	94.9	5,428	17.5	4.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

